|  |  |
| --- | --- |
| **­QUỐC HỘI**Luật số: /2020/QH14 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**DỰ THẢO**

 *(gửi xin ý kiến các Đoàn ĐBQH)*

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ LUẬT ĐÊ ĐIỀU**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai**

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 3 như sau:**

“1. Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, bao gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, *gió mạnh trên biển,* lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy; sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy*;* nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, *cháy rừng do tự nhiên*, rét hại, mưa đá, *sương mù,* sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

5. Công trình phòng, chống thiên tai là công trình do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng, bao gồm trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, *kè,* chống úng, chống hạn, *chống xâm nhập mặn*, chống sạt lở, *chống lũ quét*, *chống sét*; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai.”

**2. Bổ sung khoản 6, khoản 7 vào Điều 5 như sau:**

*6. Ưu tiên bố trí nguồn lực nghiên cứu, điều tra cơ bản, xây dựng và triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trong phòng, chống thiên tai; tăng cường các giải pháp khắc phục hậu quả thiên tai.*

*7. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện nâng cao năng lực cho người làm công tác phòng, chống thiên tai; huấn luyện, cung cấp phương tiện, trang thiết bị và có chính sách cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã”.*

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:**

**“Điều 6. Nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai**

*1. Nguồn nhân lực cho phòng, chống thiên tai bao gồm:*

a) Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai;

b) Dân quân tự vệ là lực lượng tại chỗ thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo phương án phòng, chống thiên tai của địa phương và sự điều động của người có thẩm quyền;

c) Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và là lực lượng nòng cốt trong công tác sơ tán người, phương tiện, tài sản, cứu hộ, cứu nạn, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội theo sự điều động của người có thẩm quyền;

d) Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền;

*đ) Người làm công tác phòng chống thiên tai tại các cơ quan phòng chống thiên tai các cấp.*

*2. Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai được thành lập ở cấp xã, hoạt động kiêm nhiệm, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định trên cơ sở nguồn nhân lực quy định tại điểm a, điểm b, khoản 1 Điều này, bao gồm: dân quân tổ chức ở thôn, cấp xã và tổ chức khác tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo phương án phòng, chống thiên tai của địa phương.*

*3. Chính phủ quy định chế độ chính sách đối với lực lượng xung kích phòng chống thiên tai quy định tại khoản 2 Điều này.”*

 **4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:**

“1. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động phòng, chống thiên tai bao gồm *vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;*vật tư, phương tiện, trang thiết bị *khác* của Nhà nước; huy động của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự chuẩn bị.

*Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai”.*

**5. Bổ sung khoản 4 vào Điều 8 như sau:**

“*4. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật”.*

**6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 3 và bổ sung khoản 4 vào Điều 9 như sau:**

“1. Ngân sách nhà nước *bảo đảm cho hoạt động* phòng, chống thiên tai bao gồm ngân sách hàng năm, dự phòng ngân sách nhà nước, *Quỹ dự trữ tài chính.*

2. *Ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai* được sử dụng cho xây dựng *và thực hiện* chiến lược, kế hoạch, *điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai;* đầu tư, xây dựng, tu bổ, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai; hoạt động phòng, chống thiên tai; hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai các cấp.

Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động phòng, chống thiên tai được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Dự phòng ngân sách nhà nước cho phòng, chống thiên tai được sử dụng theo quy định sau đây:

c) Trường hợp dự phòng ngân sách địa phương *đã sử dụng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu*, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ. Ban chỉ đạo *Quốc gia* về phòng, chống thiên tai tổng hợp tình hình thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ của địa phương và đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định.

*4. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai với mức độ nghiêm trọng, phát sinh ngoài dự toán mà sau khi sắp xếp lại ngân sách, sử dụng hết dự phòng ngân sách mà vẫn chưa đủ nguồn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.*

**7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 10 như sau:**

“1. Quỹ phòng, chống thiên tai là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, *được thành lập ở Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và ở cấp tỉnh do* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

2. Nguồn tài chính của Quỹ phòng, chống thiên tai:

*a) Quỹ phòng, chống thiên tai Trung ương:*

*Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; điều tiết từ quỹ phòng chống thiên tai cấp tỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn hợp pháp khác.*

*b) Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh:*

*Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;* đóng góp bắt buộc của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài tại địa bàn, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật; *điều tiết từ quỹ phòng chống thiên tai Trung ương, giữa các quỹ phòng chống thiên tai cấp tỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ* và các nguồn hợp pháp khác.

*4. Nguyên tắc hoạt động của quỹ phòng chống thiên tai:*

*a) Hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;*

*b) Bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời, hiệu quả; quản lý, sử dụng đúng mục đích;*

*c) Hỗ trợ cho các hoạt động phòng chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu”.*

**8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 và khoản 6 Điều 13 như sau:**

*“1. Điều tra cơ bản,* xây dựng, phê duyệt và thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng, chống thiên tai.

*5. Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi;* Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, có kế hoạch di dời dân cư vùng có rủi ro thiên tai rất cao.

1. Xác định cấp độ rủi ro thiên tai; *bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai”.*

**9. Bổ sung Điều 13a sau Điều 13 như sau:**

***“Điều 13a. Điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai***

*1. Điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất để thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động phòng, chống thiên tai.*

*2. Nội dung điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai gồm:*

*a) Hiện trạng về số lượng, chất lượng, năng lực của công trình phòng, chống thiên tai và công trình hạ tầng có liên quan đến phòng, chống thiên tai;*

*b) Hiện trạng về cơ cấu tổ chức, cơ chế chính sách, nhân lực, tài chính, trang thiết bị trong hoạt động phòng, chống thiên tai;*

*c) Hiện trạng hệ thống thông tin, quan trắc, giám sát thiên tai và các dữ liệu phòng chống thiên tai;*

*d) Tác động của biến đổi khí hậu đến diễn biến thiên tai; tác động của thiên tai đến hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; các loại hình thiên tai; hoạt động phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến phòng, chống thiên tai.*

*3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện, phê duyệt, công bố, quản lý kết quả điều tra cơ bản phòng, chống thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và gửi kết quả về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để quản lý”.*

**10. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4, điểm c khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 15 như sau:**

“4.Kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh gồm các nội dung chính sau đây:

c) Xác định nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, chú ý khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương, trong đó tập trung x*ây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông thuộc tỉnh, kế hoạch phòng chống bão mạnh, siêu bão, kế hoạch phòng chống lũ quét sạt lở đất, kế hoạch phòng chống hạn hán xâm nhập mặn, kế hoạch phòng chống sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở bờ biển.*

6.Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia gồm các nội dung chính sau đây:

c) Xác định nội dung, biện pháp tổng thể, chương trình đề án, dự án phòng chống thiên tai phù hợp với các cấp độ rủi ro thiên tai và loại thiên tai nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, chú ý khu vực nguy hiểm và đối tượng dễ bị tổn thương, *trong đó tập trung* *xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông, kế hoạch phòng chống bão mạnh, siêu bão, kế hoạch phòng chống lũ quét sạt lở đất, kế hoạch phòng chống hạn hán xâm nhập mặn, kế hoạch phòng chống sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở bờ biển.*

7. Trách nhiệm xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai được quy định như sau:

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; *hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương.”*

**11. Bổ sung Điều 18a sau Điều 18 như sau:**

***“Điều 18a. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, sử dụng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hộ gia đình, cá nhân***

*1. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác tài nguyên, khoáng sản; khu đô thị; điểm, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình: phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực và các công trình hạ tầng kỹ thuật phải thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy định do cơ quan có thẩm quyền ban hành.*

*2. Hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.*

*3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định chung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 1 Điều này.*

*4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quản lý ban hành quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức kiểm tra việc thực hiện.*

*5. Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra việc thực hiện các tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với hộ gia đình, cá nhân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều này.*

*6. Các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phải có nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai”.*

**12. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:**

“**Điều 19. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai****đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, *điểm, khu du lịch, khu công nghiệp*, điểm dân cư nông thôn; *công trình* *phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực*** **và công trình hạ tầng kỹ thuật**

1. Chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, *điểm,* *khu du lịch, khu công nghiệp*, điểm dân cư nông thôn; *công trình* *phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực* và công trình hạ tầng kỹ thuật phải *bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai*, bao gồm:

a) Hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và bảo đảm tính ổn định của công trình trước thiên tai;

b) Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, về xây dựng và về quy hoạch.

2. Người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong hồ sơ dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, *điểm,* *khu du lịch, khu công nghiệp,* điểm dân cư nông thôn; *công trình* *phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực* và công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi phê duyệt dự án.

3. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân khi xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình, nhà ở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật *bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.*

4. Các bộ khi xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình phải có nội dung *bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai”*.

**13. Bổ sung điểm e vào khoản 2 và sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 21 như sau:**

“2. Việc thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng, *trong đó có các hình thức chủ yếu sau:*

*e) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về phòng chống thiên tai.*

3. Trách nhiệm thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai được quy định như sau:

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình, đề án về nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý *rủi ro* thiên tai dựa vào cộng đồng*”.*

**14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1; bổ sung điểm c vào khoản 2; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 24 như sau:**

“1. Thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai phải kịp thời, *đủ độ tin cậy*, phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng được chuyển tải bằng ngôn ngữ quốc gia (tiếng Việt), đặc biệt quan tâm đến đối tượng dễ bị tổn thương và trong trường hợp cần thiết được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc.

2. Nội dung chính của bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai bao gồm:

*c)* *Bản tin dự báo, cánh báo cháy rừng phải bảo đảm thông tin về khu vực, loại rừng, diện tích, cấp độ rủi ro cháy.*

*3.* Trách nhiệm trong công tác dự báo, cảnh báo về thiên tai được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm ban hành dự báo, cảnh báo về thiên tai liên quan đến khí tượng, thủy văn và hải văn. *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm ban hành bản tin dự báo, cảnh báo liên quan đến cháy rừng.”*

**15. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 25 như sau:**

“4. Chính phủ quy định cụ thể các cơ quan có trách nhiệm truyền tin; tần suất, thời lượng phát tin chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai; mạng lưới thông tin, trang thiết bị phục vụ hoạt động chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai; *tình huống khẩn cấp về thiên tai và các dự án khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố bất khả kháng”.*

**16. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 điều 26 như sau:**

“5. Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá, *gió mạnh trên biển, sương mù, cháy rừng* và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biễn thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.”

**17. Bổ sung khoản 3 vào Điều 30 như sau:**

“*3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”*

**18. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 32 như sau:**

“1. Cứu trợ khẩn cấp được quy định như sau:

c) Nguồn lực cho cứu trợ khẩn cấp bao gồm lương thực, hàng hóa, thuốc chữa bệnh, hóa chất xử lý nước và môi trường thuộc dự trữ quốc gia; kinh phí dự phòng hằng năm từ ngân sách nhà nước; Quỹ phòng, chống thiên tai và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; *hỗ trợ từ quốc tế.*

2. Hỗ trợ trung hạn được quy định như sau:

c) Nguồn lực cho hỗ trợ trung hạn bao gồm: lương thực, hàng hóa dự trữ của Nhà nước; *ngân sách nhà nước*; Quỹ phòng, chống thiên tai và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân*; hỗ trợ từ quốc tế.*

3. Hỗ trợ dài hạn được quy định như sau:

c) Nguồn lực cho hỗ trợ dài hạn bao gồm ngân sách nhà nướcvà đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; *hỗ trợ từ quốc tế”.*

**19. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c và bổ sung điểm đ vào khoản 2 Điều 33 như sau:**

“2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ được quy định như sau:

b) *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sử dụng *Quỹ phòng, chống thiên tai* *để hỗ trợ hoạt động phòng chống thiên tai, ưu tiên* cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn.

c) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, *các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* vận động quyên góp và tiếp nhận nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn;

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội chữ thập đỏ các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp nhận và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn;

*Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm chuyển giao các nguồn lực đã vận động quyên góp và tiếp nhận được cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phân bổ;*

*đ) Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai có trách nhiệm kêu gọi, tiếp nhận các khoản hỗ trợ khẩn cấp nước ngoài trong các tình huống khẩn cấp về thiên tai và chuyển giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để phân bổ”.*

**20. Sửa tên Chương IV như sau:**

**“CHƯƠNG IV**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỢP TÁC QUỐC TẾ**

 **TRONG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI”**

**21. Bổ sung Điều 39a vào sau Điều 39 như sau:**

***“Điều 39a. Khoa học và công nghệ phòng, chống thiên tai***

*1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, tiên tiến để nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát, truyền tin các loại hình thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu và các hoạt động có thể làm gia tăng rủi ro thiên tai.*

*2. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cao và tiên tiến, vật liệu mới để nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn công trình đê điều, công trình phòng, chống sạt lở, hồ, đập và các công trình phòng, chống thiên tai khác”.*

**22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 40 như sau:**

“2. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm sau đây:

a) Kêu gọi quốc tế hỗ trợ cho việc ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam, *trừ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 33 của Luật này*; đồng thời là đầu mối của Việt Nam hỗ trợ các quốc gia khác theo chỉ đạo của Chính phủ;”.

**23. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 44 như sau:**

“1. Ban chỉ đạo *Quốc gia về* phòng, chống thiên tai:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai làm nhiệm vụ điều phối liên ngành, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo công tác phòng, chống thiên tai trên phạm vi toàn quốc.

*Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai do lãnh đạo Chính phủ làm Trưởng ban;* thành viên của Ban chỉ đạo bao *gồm Bộ trưởng, Thủ trưởng hoặc* đại diện lãnh đạo của một số bộ, cơ quan có liên quan và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp để giúp Uỷ ban nhân dân chỉ huy và tổ chức công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp làm Trưởng ban*; sử dụng bộ phận chuyên trách hiện có thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.*

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đê điều**

**1. Bổ sung khoản 23 vào Điều 3 như sau:**

*“23. Bờ sông là ranh giới giữa mái dốc của lòng sông với mặt đất tự nhiên của bãi sông”.*

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 10 Điều 7 như sau:**

“5. Xây dựng công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều *và phạm vi lòng sông không gồm bãi nổi, cù lao*, trừ công trình phục vụ phòng, chống lũ, lụt, bão, công trình phụ trợ và công trình đặc biệt.

10. Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều; các hoạt động khác gây cản trở dòng chảy và thoát lũ *nhưng không có biện pháp xử lý, khắc phục*”.

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:**

“2. Việc cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Việc cấp giấy phép cho những hoạt động quy định tại các điểm a, b và c, *h* khoản 1 Điều này đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”

**4. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 26 như sau:**

**“Điều 26. Sử dụng bãi sông, *bãi nổi, cù lao* nơi chưa có công trình xây dựng”.**

**5. Sửa đổi, bổ sung tên Điều và khoản 2 Điều 27 như sau:**

**“Điều 27. Xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, *bãi nổi, cù lao*.**

2. Căn cứ vào quy hoạch đã được điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều này, việc xử lý công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông, *bãi nổi, cù lao* được quy định như sau:”.

**6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 28 như sau:**

“1. Tổ chức, cá nhân xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều phải thực hiện các quy định sau đây:

b) Việc xây dựng cầu qua sông có đê *phải bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều* theo quy định của Luật này và bảo đảm giao thông thủy theo quy định của pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; vật liệu phế thải và lán trại trong quá trình thi công không được ảnh hưởng đến dòng chảy và phải được thanh thải sau khi công trình hoàn thành.

*Thủ tướng Chính phủ quy định nội dung đảm bảo thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê”.*

**7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 như sau:**

“2. Lập biên bản *vi phạm hành chính, buộc chấm dứt hành vi vi phạm và chuyển ngay đến người có thẩm quyền để tiến hành xử phạt”.*

**8. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 42 như sau:**

“4. *Bộ Công Thương* chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ *và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc* xây dựng và thực hiện phương án bảo đảm an toàn các công trình thủy điện, chỉ đạo thực hiện vận hành hồ chứa *thủy điện* theo quy chuẩn kỹ thuật *quốc gia* về vận hành hồ chứa *thủy điện*”.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

*1. Sửa tên “Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai” thành “Ban chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai” tại điểm c khoản 1 Điều 17; điểm a, điểm c khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 25; Điều 26; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 27; khoản 2, khoản 4 Điều 28; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 29; điểm d khoản 2 Điều 30; khoản 2 khoản 4 Điều 31; điểm c khoản 3 Điều 42 và khoản 4 Điều 44 của Luật Phòng, chống thiên tai.*

*2. Sửa tên “Ban chỉ đạo phòng chống lụt, bão trung ương” thành “Ban chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai” tại điểm d khoản 2 Điều 35 của Luật Đê điều.*

*3. Sửa tên “Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão” thành “Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn” tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 35 của Luật Đê điều.*

*4. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 2020*./.

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày tháng năm 2020.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

 **Nguyễn Thị Kim Ngân**